

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/08/2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; Số 16/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016;*

*Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ biên bản thẩm định của Tổ thẩm định Cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá vôi làm VLXDĐT tại núi thung Canh Nội, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Bình Minh số 28/CV-BM ngày 17/05/2022 và nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 30/CPBM ngày 09/6/2022 về việc hoàn thiện nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án;*

*Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bình Minh, địa chỉ văn phòng tại Tổ 8, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá vôi làm VLXDĐT tại núi thung Canh Nội, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá vôi làm VLXDĐT tại núi thung Canh Nội, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thung Canh Nội, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp: 0700249761, đăng ký lần đầu ngày 14/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 05, ngày 25/01/2018.

1.4. Mã số thuế: 0700249761

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư: Diện tích thực hiện dự án: Tổng diện tích đất sử dụng là 121.846,4 m<sup>2</sup> bao gồm: diện tích mỏ khai thác là 113.700 m<sup>2</sup>, diện tích bãi chế biến, khu văn phòng và phụ trợ mỏ là 8.146,4 m<sup>2</sup>. Công suất khai thác đá: 300.000 m<sup>3</sup>/năm đá nguyên khối; Công suất chế biến đá: 450.000 m<sup>3</sup>/năm đá nở rời.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bình Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày /6/2022 đến ngày /6/2032).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- Công ty CP Bình Minh;
- UBND huyện Kim Bảng;
- TT CNTT TN&MT (*đăng web*);
- Lưu: VT, MT, HS.

**Nguyễn Văn Hảo**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2022 của Sở TN&MT)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

**1. Nguồn phát sinh nước thải:** Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Tại thung Canh Nội, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Miệng ống thoát PVC D75 vào thùng chứa nước thải sau xử lý tại Thung Canh Nội, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ ) như sau: X: 2267794, Y: 589548.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 01 m<sup>3</sup>/ngày đêm tương đương 0,041 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy .

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24h

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, k=1,2)

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) k=1,2)
1	pH	-	5-9
2	TSS	mg/l	120
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60
4	Coliform	MPN/100ml	5.000
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/l	12
6	S <sup>2-</sup>	mg/l	4,8
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	24
8	TDS	mg/l	1.200
9	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/l	60
10	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/l	12
11	Tổng các chất HDBM	mg/l	12

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

Hệ thống thoát nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể tự hoại được thoát ra bể lọc sinh học trồng cây để tiếp tục xử lý đạt yêu cầu bằng ống nhựa PVC d75, chiều dài ống khoảng 1m theo nguyên tắc tự chảy.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể lọc sinh học → Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT → Tưới cây

- Bể tự hoại khu văn phòng: có thể tích  $16,44\text{m}^3$ , kích thước là dài x rộng x cao =  $2,74 \times 2,24 \times 2,68$  (m).

- Bể lọc sinh học: Bể lọc sinh học khu vực văn phòng có thể tích  $18\text{m}^3$ , kích thước dài x rộng x cao =  $5 \times 3 \times 1,2$  (m).

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Công ty đã thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải trong thời gian từ ngày 11/11/2021 đến ngày 11/5/2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Miệng ống thoát PVC D90 vào thùng chứa nước thải sau xử lý, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ ) như sau: X: 2268957, Y: 589988

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) k=1,2)
1	pH	-	5-9
2	TSS	mg/l	120
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60
4	Coliform	MPN/100ml	5.000
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/l	12
6	S <sup>2-</sup>	mg/l	4,8
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	24
8	TDS	mg/l	1.200
9	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/l	60
10	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/l	12
11	Tổng các chất HDBM	mg/l	12

2.3. Tần suất lấy mẫu: trong thời gian vận hành thử nghiệm, Công ty đã thực hiện 05 lần lấy mẫu trong giai đoạn hiệu chỉnh (ngày 16/11/2021, ngày 01/12/2021, ngày 16/12/2021, ngày 31/12/2021, ngày 15/01/2022), 07 lần liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định (ngày 28/2/2022, ngày 01/03/2022, ngày 02/03/2022, ngày 03/03/2022, ngày 04/03/2022, ngày 05/03/2022 và ngày 06/03/2022).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên các công trình xử lý nước thải của dự án.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng  
năm 2022 của Sở TN&MT)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các hoạt động sau: nổ mìn khai thác; bốc xúc, vận chuyển; trạm nghiền sàng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại các khu vực nổ mìn, khu vực đặt trạm nghiền sàng, tại khu vực hoạt động của các thiết bị máy xúc, ô tô vận chuyển.

**3. Tiếng ồn, độ rung** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

\* Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Trong quá trình khoan lỗ mìn: Áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai điện đã khắc phục được phần lớn tiếng ồn và độ rung, đồng thời tăng cường các trang bị phòng hộ cá nhân để nâng cao hiệu quả chống ồn. Đầu ra của khí nén khi lắp bộ tiêu âm với trở kháng phức hợp, có thể hạ tiếng ồn xuống khoảng 10 dBA-15 dBA.

- Trong quá trình nổ mìn: tuân thủ mọi quy định về nổ mìn của chính quyền địa phương, phối hợp với các đơn vị lân cận để lập hộ chiếu nổ mìn hợp lý, tránh tình trạng nổ mìn đồng thời gây ra cộng hưởng âm, làm ảnh hưởng đến sức khoẻ con người và môi trường khu vực.

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, luật số 14/2017/QH14 do Quốc hội khóa 14, nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2017.

- Đối với khu vực bãi chế biến và khu phụ trợ: trồng cây xanh để hạn chế đến mức thấp nhất lượng bụi cũng như tiếng ồn phát tán vào môi trường.

\* Biện pháp giảm thiểu tác động của độ rung

- Tại khai trường: áp dụng biện pháp nỗ mìn vi sai để giảm thiểu sóng chấn động và sóng rung tới môi trường xung quanh.

- Tại khu vực chế biến: gia cố vững chắc các bộ máy (nghiền sơ cấp và thứ cấp), đế máy để giảm thiểu độ rung của thiết bị khi vận hành. Các điểm tiếp xúc mạnh được bố trí các bản đệm, lót các miếng cao su dày tại các khu vực tiếp giáp máy với đế.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.



**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng*  
*năm 2022 của Sở TN&MT)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Dự kiến, khi dự án đi vào hoạt động, khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên như sau:

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Que hàn thải	070401	02
2	Xi hàn thải	070402	03
3	Hộp mực máy in thải, mực in thải	080204	01
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	01
5	Dầu thủy lực thải	170107	150
6	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	170203	200
7	Dầu diezel thải	170601	150
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại	180102	150
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	50
10	Giẻ lau găng tay dính dầu mỡ thải	180201	100
11	Ấc quy chì thải	190601	50
<b>Tổng</b>			<b>857</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh  
 Lượng chất thải công nghiệp phát sinh của dự án chủ yếu bao gồm các loại lốp, săm xe, dầu mẫu sắt thép, .... Khối lượng phát sinh khoảng 1.500kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 10kg/ngày tương đương 3.000 kg/năm.

Thành phần chủ yếu: các chất hữu cơ (chiếm khoảng 70%), giấy vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày bị hư hỏng.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: tại kho CTNH

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 17,8m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có kích thước dài x rộng = 4,45 x 4 (m), tường xây gạch bê tông, trát xi măng cát trong và ngoài, mái lợp tôn, nền láng xi

mãng chống thấm. Kho chứa CTNH có các vách ngăn, các thiết bị lưu chứa được dán mã và nhãn cảnh báo CTNH theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 150 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho: 14,7 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của kho: kho là một thùng container 20fit, có kích thước dài x rộng x cao = 6,058 x 2,438 x 2,591 (m).

**Phụ lục 4**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2022 của Sở TN&MT)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

**Phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

\* Đối với khu vực mặt tầng và sườn tầng khi kết thúc khai thác

Khu vực các mặt tầng và sườn tầng kết thúc khai thác sẽ thực hiện việc cây bẫy đá dễ rơi, có nguy cơ trượt lở; đào hố trồng cây để đảm bảo an toàn cho mỏ và công nhân (công việc này được thực hiện ngay sau khi kết thúc ở mỗi tầng khai thác). Sau khi kết thúc khai thác thì công việc cải tạo phục hồi môi trường sẽ được tiến hành ngay, tức là sẽ thực hiện tạo hố theo đường đồng mức (ở bờ đai an toàn) và bề mặt sườn tầng. Mọi vật tư phục vụ cho cải tạo, phục hồi môi trường như đất, phân, giống cây trồng... được đưa lên các mặt tầng bằng tuyến đường vận chuyển thiết bị khai thác. Cây trồng tại khu vực sườn tầng là Cây Sanh và cây Sắn dây rừng với tỷ lệ 50:50.

\* Khu vực đáy mỏ sau khi kết thúc khai thác

Khu vực đáy mỏ sau khi kết thúc khai thác có cao độ +30m. Trước khi tiến hành trồng cây phủ xanh khu vực sẽ di chuyển các loại máy móc, thiết bị khai thác.

Sử dụng máy khoan tạo các hố trên nền đáy mỏ để trồng cây Keo xen kẽ với cây Cỏ lau với tỷ lệ 70:30 và mật độ 8m<sup>2</sup>/cây, phủ đất vào hố và trồng cây. Kích thước hố trồng cây cỏ lau là 0,3x0,3x0,3 (m), hố trồng cây keo đào với kích thước 1 x1x1 (m).

\* Khu vực đường lên mỏ

Sau khi kết thúc khai thác, sử dụng máy khoan tạo các hố trên nền khu vực để trồng cây keo xen kẽ Cỏ lau mật độ 6m<sup>2</sup>/cây, phủ đất vào hố và trồng cây.

\* Khu vực văn phòng, bãi chế biến

Đối với khu vực này cần tháo dỡ các công trình, di chuyển máy móc, thiết bị ra khỏi khu vực. Sau khi tháo dỡ, san gạt mặt bằng, cần tiến hành phủ xanh khu vực để đảm bảo độ an toàn về môi trường cho khu vực, khi chưa biết được nhu cầu sử dụng đất của địa phương sau này. Cây trồng tại khu vực này là cây keo với mật độ 8m<sup>2</sup>/cây.

\* Khu vực bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai thác đá

Sau khi kết thúc khai thác tiến hành thu dọn đất đá văng do quá trình nổ mìn khai thác, vận chuyển và đào hố trồng cây. Cây trồng tại khu vực này là cây Sắn dây rừng với mật độ 6 m<sup>2</sup>/cây.

Tổng kinh phí của Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án là: **3.453.548.306 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm linh sáu đồng).

Thời gian thực hiện:

TT	Tên công trình	Thời gian hoàn thành
<b>I Khu vực khai thác</b>		
1	Tạo hố, bổ sung đất màu để trồng cây khu vực sườn tầng	Thực hiện trong thời gian khai thác. 3 năm sau khi kết thúc khai thác, sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý.
2	Trồng cây	
3	Tạo hố, bổ sung đất màu để trồng cây khu vực đáy mỏ, làm hàng rào dây thép gai bảo vệ công trình	Trồng cây trong vòng 12 tháng sau khi kết thúc khai thác, chăm sóc trong 3 năm sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý.
4	Trồng cây	
<b>II Khu vực văn phòng và bãi chế biến</b>		
1	Tạo hố, bổ sung đất màu để trồng cây	Trồng cây trong vòng 12 tháng sau khi kết thúc khai thác, chăm sóc trong 3 năm sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý.
2	Trồng cây	
<b>III Khu vực bị ảnh hưởng</b>		
1	Đào hố trồng cây, bổ sung đất màu	Trồng cây trong vòng 12 tháng sau khi kết thúc khai thác, chăm sóc trong 3 năm sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý.
2	Trồng cây	

## B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

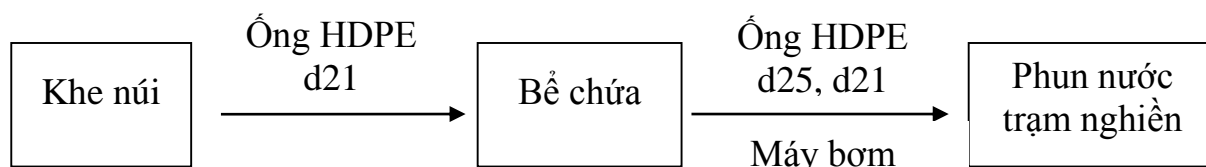
### 1. Xử lý bụi tại khu vực trạm nghiền sàng

- Nguồn phát sinh: Bụi đất đá là bụi tro, có kích thước lớn, không chứa các hợp chất có tính độc phát sinh từ quá trình nghiền sàng đá được xử lý tại chỗ bằng biện pháp phun nước.

- Vị trí phát sinh bụi: tại máy kẹp hàm, nghiền côn và đầu rót băng tải.

- Phương thức phát sinh bụi: bụi phát sinh từ các vị trí máy kẹp hàm, nghiền côn, đầu rót băng tải tự phát thải ra môi trường.

- Công trình xử lý bụi:



- Bố trí hệ thống phun nước dập bụi trạm nghiền sàng tại 10 vị trí gồm 07 vị trí rót băng tải sản phẩm (mỗi điểm rót sản phẩm 1 điểm phun), 01 vị trí tại máy kẹp hàm, 1 điểm ở đầu máy nghiền sơ cấp, 1 điểm ở đầu máy nghiền thứ cấp.

- Định mức nước sử dụng:  $1\text{m}^3$  nước trên  $100\text{m}^3$  đá thành phẩm tức  $15\text{m}^3/\text{ngày}$  tương đương  $\sim 1,5\text{m}^3/\text{h}$ .

- Thiết bị của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ trạm nghiền sàng bao gồm: 01 bể chứa nước có thể tích  $32\text{m}^3$ , 01 máy bơm công suất  $20\text{m}^3/\text{h}$ , đường ống HDPE loại đường kính 25mm và đường kính 21mm dẫn nước từ bể chứa đến các điểm dập bụi.

- Vị trí lấy nước: Nước cấp tưới phun dập bụi tại trạm nghiền sàng được lấy từ mỏ nước trong núi cách khu mỏ khoảng 170m qua đường ống HDPE d21 chứa vào bể chứa nước  $32\text{m}^3$  đặt gần khu vực bunke tiếp nhận đá của trạm nghiền sàng.

2. Xử lý bụi trong khu vực văn phòng, bãi chế biến: Công ty sử dụng đường ống nhựa mềm PVC d21 lấy nước từ bể chứa  $32\text{m}^3$  dập bụi.

3. Thực hiện trồng đủ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Vận hành thường xuyên, liên tục các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực trạm nghiền sàng, khu vực văn phòng và các khu vực phát sinh bụi khác tại dự án.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn.

